

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2449 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản
địa phương (LRAMP) - Hợp phần 1: Khôi phục,
cải tạo đường địa phương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo Thông báo số 669/TB-KTNN ngày 17/9/2019 của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành IV về việc Thông báo kết quả kiểm toán tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Định;

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 18a/2023/BCKT-AVN ngày 06/3/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam về việc Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án thành phần: Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan – Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận); ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa – Trường Cửu);

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số: 061912-1/ITO-XDCB ngày 03/7/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O-Chi nhánh Đà Nẵng kiểm toán dự án thành phần: Tuyến đường ĐT.639B (Chương Hòa-Nhơn Tân);

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 864/2019/AAC-BCKiT ngày 04/7/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC về việc Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án thành phần: Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội-Tam Quan);

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 863/2019/AAC-BCKiT ngày 04/7/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC về việc Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án thành phần: Tuyến đường ĐH.37 (Phú Lạc-Hà Nhe);

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 861/2019/AAC-BCKiT ngày 04/7/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC về việc Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án thành phần: Tuyến đường ĐX.AN.74 (Thanh Giang-Tam Hòa);

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 862/2019/AAC-BCKiT ngày 04/7/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC về việc Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án thành phần: Tuyến đường ĐX.HA35 (Cầu Mục Kiến-Xuân Sơn);

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 061911-HT/ITO-XDCB ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O-Chi nhánh Đà Nẵng về Báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành dự án thành phần: Tuyến đường ĐT.633 (Chợ Gồm-Đề Gi);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 284/TTr-STC ngày 02/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương;
- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phê duyệt dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Địa điểm xây dựng: tỉnh Bình Định;
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Ngày 01/8/2017-19/8/2021

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
<u>Tổng công</u>	<u>207.823.680</u>	<u>200.091.480</u>
I. Chi phí Bồi thường, GPMB	4.026.363	2.785.593
II. Chi phí xây dựng (bao gồm HMC, chi phí đảm bảo ATGT và chi phí dự phòng):	176.089.418	180.314.207
III. Chi phí quản lý dự án:	3.779.755	3.681.065
IV. Tư vấn đầu tư xây dựng:	11.587.988	10.825.522
V. Chi phí khác:	10.175.171	2.485.093
VI. Chi phí dự phòng:	2.164.985	0

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm).

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện				
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn đã thu hồi	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	207.823.680	200.091.480	199.707.001	465.332	11.106	69.747
Vốn đầu tư công			199.707.001			
-Vốn nước ngoài (ODA)			191.805.961			
-Vốn đối ứng			7.901.040			
<i>Trong đó:</i>						
Bồi thường, GPMB		2.785.593	2.687.094	98.499		
Xây dựng		180.314.207	180.314.207			
Quản lý dự án		3.681.065	3.691.407			10.342
Tư vấn đầu tư		10.825.522	10.854.443		11.106	17.815
Chi phí khác		2.510.717	2.159.850	366.833		41.590

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: 1000 đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			200.091.480	200.091.480
Tài sản dài hạn (TS cố định)			200.091.480	200.091.480

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không
- Chi phí không tạo nên tài sản: không

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.**

- Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		200.091.480.000	
1	Vốn đã được thanh toán	199.707.001.000	
	-Vốn nước ngoài (ODA)	191.805.961.000	
	-Vốn đối ứng	7.901.040.000	
2	Vốn đã thu hồi	11.106.000	
3	Vốn phải thu hồi	69.747.000	
4	Vốn chưa được thanh toán	465.332.000	

Các khoản công nợ tính đến ngày nộp báo cáo quyết toán (08/3/2024) là:

* Tổng nợ phải thu:	69.747.000 đồng;
- Quản lý dự án:	10.342.000 đồng;
- Tư vấn giám sát:	17.815.000 đồng;
- Chi phí khác:	41.590.000 đồng;
+ Thẩm định thiết kế BVTC-Dự toán:	11.786.000 đồng;
+ Thẩm định HSMT và kết quả LCNT giám sát:	904.000 đồng;
+ Kiểm toán:	28.900.000 đồng;
* Tổng nợ phải trả:	465.332.000 đồng;
- Bồi thường, GPMB:	98.499.000 đồng;
- Chi phí khác (Thẩm tra phê duyệt quyết toán):	366.833.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: 1000 đồng.

Tên Tài sản	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Tổng cộng		200.091.480
1. Tuyến đường ĐX.HA.35 (Cầu Mục Kiến-Xuân Sơn)	UBND xã Ân Đức	4.686.044
2. Tuyến đường ĐX.AN.74 (Thanh Giang-Tam Hòa)	UBND xã Nhơn Phong	10.135.540
3. Tuyến đường ĐT.639B (Chương Hòa-Nhơn Tân)	Sở GTVT	13.022.998
4. Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội-Tam Quan)	Sở GTVT	10.617.098
5. Tuyến đường ĐH.37 (Phú Lạc-Hà Nhe)	UBND huyện Tây Sơn	5.416.537
6. Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan – Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận); ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa – Trường Cửu)		78.163.355

- Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi)	Sở GTVT	28.044.107
- Tuyến đường ĐH.11 (Tam Quan – Tân Bình)	UBND thị xã Hoài Nhơn	18.411.694
- Tuyến đường ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	21.750.419
- Tuyến đường ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa-Trường Cửu)	UBND Phường Nhơn Hòa	9.957.135
7. Tuyến đường ĐT.633 (Chợ Gồm-Đề Gi)	Sở GTVT	45.770.030
8. Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội-Tam Quan), đoạn Km0+00-Km13+280	Sở GTVT	32.279.878

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, UBND các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND các xã Ân Đức, Nhơn Phong, Chủ tịch UBND phường Nhơn Hoà và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
	Tổng số	<u>207.823.680.000</u>	<u>200.091.480.000</u>
I	Chi phí Bồi thường, GPMB	4.026.363.000	2.785.593.000
1	Tuyến đường ĐX.AN.74 (Thanh Giang - Tam Hòa) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã An Nhơn thực hiện	957.522.000	898.679.000
1.1	Chi phí đền bù, hỗ trợ TĐC		289.403.000
1.2	Chi phí di dời hạ tầng kỹ thuật		609.276.000
2	Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan – Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận); ĐX.AN.74 (Nhơn Hòa – Trường Cửu)	3.068.841.000	1.886.914.000
2.1	Chi phí đền bù, hỗ trợ TĐC Tuyến đường ĐX.AN.11(Nhơn Hòa - Trường Cửu) (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã An Nhơn thực hiện)		1.440.577.000
2.2	Chi phí đền bù, hỗ trợ TĐC Tuyến đường ĐH.43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận) (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Thạnh thực hiện)		446.337.000
II	Chi phí xây dựng (bao gồm HMC, chi phí đảm bảo ATGT, và DP)	176.089.418.000	180.314.207.000
1	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đề Gi)	40.833.698.000	41.653.600.000
2	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan)	8.986.905.000	9.583.638.000
3	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân)	11.104.201.000	11.799.884.000
4	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	4.133.327.000	4.280.451.000

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
5	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa)	8.690.646.000	8.584.417.000
6	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐX HA 35 (cầu Mực Kiến - Xuân Sơn)	4.138.547.000	4.332.998.000
7	Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan – Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận); ĐX.AN.74 (Nhơn Hòa – Trường Cửu)	68.307.333.000	70.183.738.000
7.1	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi)		28.461.929.000
7.2	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận)		13.893.548.000
7.3	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa – Trường Cửu)		11.890.052.000
7.4	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình)		15.938.209.000
8	Khôi phục, cải tạo tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	29.894.761.000	29.895.481.000
III	Quản lý dự án	3.779.755.000	3.681.065.000
<i>1</i>	<i>Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh</i>		<i>2.944.852.000</i>
<i>2</i>	<i>Sở Giao thông vận tải Bình Định</i>		<i>736.213.000</i>
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	11.587.988.000	10.825.522.000
1	Khảo sát, lập BC NCKT	2.184.541.000	2.118.654.000
1.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gòm - Đê Gi)	775.209.000	709.322.000
1.2	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	374.153.000	374.153.000
1.3	Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan – Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận); ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa – Trường Cửu)	1.035.179.000	1.035.179.000
2	Khảo sát, lập BC KTKT	1.571.271.000	1.443.112.000
2.1	Tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan)	323.445.000	318.541.000

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
2.2	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân)	480.205.000	361.062.000
2.3	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	767.621.000	763.509.000
3	Khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT	2.775.377.000	2.681.227.000
3.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	877.599.000	859.028.000
3.2	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+281	522.369.000	522.369.000
3.3	Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi – Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan – Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh – Vĩnh Thuận); ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa – Trường Cửu)	1.375.409.000	1.299.830.000
4	Chi phí thẩm tra báo cáo NCKT	121.656.000	88.221.000
4.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi);	50.459.000	22.913.000
4.2	Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi - Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	71.197.000	65.308.000
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo KT-KT	47.583.000	39.651.000
5.1	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa)	31.868.000	26.556.000
5.2	Tuyến đường ĐX.HA.35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn)	15.715.000	13.095.000
6	Chi phí thẩm tra TK BVTC-Dự toán	313.346.000	292.887.000
6.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi);	98.501.000	96.938.000
6.2	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan)	24.842.000	24.203.000
6.3	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân)	37.310.000	23.127.000
6.4	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	16.666.000	13.888.000

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
6.5	Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi - Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu	136.027.000	134.731.000
7	Giám sát thi công	4.260.550.000	4.161.770.000
7.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	985.801.000	965.042.000
7.2	Tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan) Công ty TNHH Kiều Việt	286.770.000	281.034.000
7.3	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân) Công ty TNHH Tư vấn Hội cầu đường	355.112.000	339.723.000
7.4	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe) Công ty TNHH Kiều Việt	132.390.000	131.065.000
7.5	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa) Công ty TNHH Tư vấn Hội cầu đường	253.153.000	246.585.000
7.6	Tuyến đường ĐX HA 35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn) Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trường Thành	124.836.000	124.706.000
7.7	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280 (Công ty TNHH Kiều Việt)	649.125.000	649.124.000
7.8	Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi - Lai Nghi); ĐH.11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH.43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	1.473.363.000	1.424.491.000
	<i>Tuyến đường ĐT.636B (Gò Bồi - Lai Nghi) Công ty TNHH XD tổng hợp An Thịnh</i>		526.362.000
	<i>Tuyến đường ĐH.11 (Tam Quan - Tân Bình) Công ty TNHH Tư vấn Hội Cầu Đường</i>		350.194.000

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
	<i>Tuyến đường ĐH.43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận) Công ty TNHH Kiều Việt</i>		291.477.000
	<i>Tuyến đường ĐX.AN.11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu) Công ty TNHH Kiều Việt</i>		256.458.000
8	Kiểm định chất lượng công trình	313.664.000	0
V	Chi khác	10.175.171.000	2.485.093.000
1	Phí thẩm định dự án	14.994.000	14.603.000
1.1	Tuyến đường ĐT. 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	3.904.000	3.904.000
1.2	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	5.221.000	5.220.000
1.3	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	5.869.000	5.479.000
2	Phí thẩm định báo cáo KT-KT	6.694.000	6.691.000
2.1	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa)	983.000	983.000
2.2	Tuyến đường ĐX AN 35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn)	447.000	446.000
2.3	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân)	2.605.000	2.604.000
2.4	Tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan)	2.108.000	2.108.000
2.5	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	551.000	550.000
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC-Dự toán	79.481.000	42.263.000
3.1	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân)	6.511.000	0
3.2	Tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan)	5.276.000	0
3.3	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	20.793.000	18.120.000
3.5	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	22.758.000	0

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
3.6	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	24.143.000	24.143.000
4	Lập HSMT, ĐGHSDT xây lắp	368.752.000	368.744.000
4.1	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa)	17.452.000	17.450.000
4.2	Tuyến đường ĐX AN 35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn)	8.638.000	8.636.000
4.3	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân)	24.448.000	24.448.000
4.4	Tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan)	19.810.000	19.810.000
4.5	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	9.144.000	9.144.000
4.6	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	86.076.000	86.074.000
4.7	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	53.102.000	53.102.000
4.8	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	150.082.000	150.080.000
5	Lập HSMT và kết quả LCNT khảo sát lập BCNCKT	6.000.000	6.000.000
5.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	2.000.000	2.000.000
5.2	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	2.000.000	2.000.000
5.3	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	2.000.000	2.000.000
6	Lập HSMT và kết quả LCNT khảo sát lập thiết kế BVTC-DT	6.500.000	6.500.000
6.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	2.000.000	2.000.000
6.2	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	2.000.000	2.000.000

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
6.3	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	2.500.000	2.500.000
7	Lập HSMT, ĐGHSDT giám sát	12.640.000	12.640.000
7.1	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa)	2.000.000	2.000.000
7.2	Tuyến đường ĐX AN 35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn)	2.000.000	2.000.000
7.3	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	2.000.000	2.000.000
7.4	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	2.000.000	2.000.000
7.5	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	2.000.000	2.000.000
7.6	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	2.640.000	2.640.000
8	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT xây lắp	184.377.000	149.180.000
8.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	43.038.000	43.036.000
8.2	Tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan)	9.906.000	8.178.000
8.3	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân)	12.224.000	10.094.000
8.4	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	4.572.000	4.234.000
8.5	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa)	8.726.000	8.046.000
8.6	Tuyến đường ĐX AN 35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn)	4.318.000	3.962.000
8.7	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	26.552.000	0
8.8	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	75.041.000	71.630.000
9	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT khảo sát lập BCNCKT	6.000.000	6.000.000

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
9.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	2.000.000	2.000.000
9.2	tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	2.000.000	2.000.000
9.3	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	2.000.000	2.000.000
10	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT khảo sát lập thiết kế BVTC-DT	6.000.000	6.000.000
10.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	2.000.000	2.000.000
10.2	tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	2.000.000	2.000.000
10.3	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	2.000.000	2.000.000
11	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT giám sát	12.000.000	6.000.000
11.1	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa)	2.000.000	0
11.2	Tuyến đường ĐX AN 35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn)	2.000.000	0
11.3	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe)	2.000.000	0
11.4	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	2.000.000	2.000.000
11.5	tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	2.000.000	2.000.000
11.6	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu)	2.000.000	2.000.000
12	Hạng mục chung	7.099.634.000	0
13	Kiểm tra công tác nghiệm thu	51.464.000	0
14	Đảm bảo ATGT	75.000.000	0

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
1	2	3	4
15	Kiểm toán	1.709.072.000	1.493.639.000
15.1	Tuyến đường ĐT 633 (Chợ Gồm - Đê Gi) Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O - Chi nhánh Đà Nẵng	404.334.000	396.075.000
15.2	Tuyến đường ĐT 639 (Nhơn Hội - Tam Quan) Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	130.121.000	125.590.000
15.3	Tuyến đường ĐT 639B (Chương Hòa - Nhơn Tân) Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O - Chi nhánh Đà Nẵng	157.599.000	151.129.000
15.4	Tuyến đường ĐH 37 (Phú Lạc - Hà Nhe) Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	96.702.000	93.426.000
15.5	Tuyến đường ĐX AN 74 (Thanh Giang - Tam Hòa) Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	126.923.000	120.250.000
15.6	Tuyến đường ĐX HA 35 (cầu Mục Kiến - Xuân Sơn) Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	85.615.000	82.793.000
15.7	Tuyến đường ĐT 636B; ĐH 11 (Tam Quan - Tân Bình); ĐH 43 (Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thuận); ĐX AN 11 (Nhơn Hòa - Trường Cửu) Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam	524.376.000	524.376.000
15.8	Tuyến đường ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), đoạn Km 0+00 - Km 13+280	183.402.000	0
16	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	536.563.000	366.833.000
VI	Dự phòng chi	2.164.985.000	0